TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS-ST
Ngày: 28/5/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tín dụng)"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Hoàng Hổ.**

2/ Bà **Nguyễn Thị Ngọc Kim**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Út Sang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên toà: Ông: **Lê Hữu Nghị** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2019/TLST-DS, ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tín dụng)"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng T**

Trụ sở: 109, phường A, quận k, TP Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Doãn S**.

Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: *10, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang

Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Liên Việt - Chi nhánh tỉnh Kiên Giang.

(Theo Quyết định ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Tổng giám đốc)

Người đại diện tham gia tố tụng*:* Ông **Lâm Vĩnh T**, sinh năm 1985 (Có mặt)

Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch U Minh Thượng - Ngân hàng T. (Theo giấy ủy quyền số 349/2019/QĐ-LienVietPostBank.KG ngày 26 tháng 01 năm 2019).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1979.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hà T, sinh năm 1979. (Chồng bà C)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang

(Bà C và ông C vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2018 và các lời khai khác, ông Lâm Vĩnh T đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/6/2015 bà C có ký hợp đồng tín dụng số 2119/2015/KG/HDTD-LienVietPostBank vay của Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất 12%/năm, bà C trả gốc lãi hàng tháng, mỗi tháng trả gốc là 1.250.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng. Mục đích vay là vay tiêu dùng và vay tín chấp, không có tài sản bảo đảm.

Sau khi được giải ngân số tiền vay nêu trên, bà C thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo đúng hợp đồng cho đến ngày 10/5/2017 thì bà C không trả tiền cho Ngân hàng đến nay.

Tính đến ngày 03/10/2018 bà C còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 64.012.845đ. Trong đó, nợ gốc là là 46.243.873đ, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 17.768.972đ, do trong quá trình vay bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng.

Vì vậy, Ngân hàng T yêu cầu bà C trả số nợ vay tính đến ngày 03/10/2018 là 64.012.845đ và tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất đã ghi trong hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng Tcho đến khi trả dứt nợ.

Bị đơn bà C, người có quyền lợi và nghĩa liên quan ông T: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các thủ tục tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bà C, ông C biết để tham gia giải quyết vụ án nhưng những người này vắng mặt, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án mà chỉ lập các thủ tục đầy đủ để làm cơ sở đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng yêu cầu giải quyết buộc bà C trả số tiền nợ tổng cộng tính đến ngày là 28/5/2019 là 70.404.843đ, trong đó: Nợ gốc là

46.424.873đ, lãi trong hạn 8.798.166 và quá hạn là 15.818.804. tiếp tục tính lãi theo theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng T cho đến khi trả dứt nợ.

Bị đơn bà C, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông T vắng mặt tại phiên tòa.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự, nơi bị đơn cư trú tọa lạc trên địa phận hành chính của huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà C thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, giao dịch này thực hiện từ năm 2015 cho đến nay nên được điều chỉnh theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 là phù hợp theo quy định điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn bà C, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông T được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà C, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông T.

[4] Xét về nội dung vụ án: Ngày 19/6/2015, bà C có ký hợp đồng tín dụng số 2119/2015/KG/HDTD-LienVietPostBank vay của Ngân hàng Tsố tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất 12%/năm, bà C có nghĩa vụ trả nợ gốc lãi hàng tháng, mỗi tháng trả gốc là 1.250.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà C thực hiện việc trả nợ không đúng như thỏa thuận hợp đồng. Cụ thể, đến thời điểm hiện tại bà C còn nợ lại số tiền gốc là 46.424.873đ, lãi trong hạn 8.798.166 và quá hạn là 15.818.804đ chưa thanh toán. Bà C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng tại

khoản 1 Điều 7 của hợp đồng tín dụng số 2119/2015/KG/HDTD-LienVietPostBank, ngày 19/6/2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đòi bà C trả số tiền 70.404.843đ là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005.

[5] Về trách nhiệm trả nợ: Xét thấy, việc bà C vay số tiền trên của Ngân hàng thì ông T là chồng của bà C có biết được, việc này được thể hiện tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ lập ngày 15/6/2015 do Ngân hàng cung cấp có chữ ký của ông T. Vì vậy, cần xem xét buộc ông T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng cùng với bà C là phù hợp theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm vụ án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nên bị đơn bà C, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông T phải chịu án phí sơ thẩm.

Số tiền án phí bà C và ông T phải chịu là 70.404.843đ x 5% = 3.520.242đ, làm tròn là 3.520.000đ (Ba triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng)

Ngân hàng T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000759 ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà C.

2. Buộc bà C và ông Nguyễn Hà Thanh trả cho Ngân hàng T số tiền là 70.404.843đ (Bảy mươi triệu bốn trăm lẻ bốn ngàn tám trăm bốn mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là là 46.424.873đ, lãi trong hạn 8.798.166 và quá hạn là 15.818.804.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà C và ông T phải nộp toàn bộ án phí là 3.520.000đ (Ba triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng)

Ngân hàng T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000759 ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

4.Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện của nguyên đơn, báo cho Ngân hàng T biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/5/2019). Đối với bị đơn bà C và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông T vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc tống đạt hợp lệ Bản án.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện;*
- *THADS huyện;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Quốc Thịnh